

*Bản án số: 440/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-12-2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**
2. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**

Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ** – Kiểm sát viên.*

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Mỹ N**, sinh năm 19xx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Châu Thanh Â**, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 22/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Mỹ N trình bày:

Chị N và anh Â chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Â lúc tỉnh thì không sao nhưng khi có rượu vô là anh Â đem chuyện cũ ra nói dẫn đến cãi vã, anh Â nhắn tin với bạn gái bên ngoài quá nhiều, chị N đã nhiều lần khuyên nhủ mà anh Â không nghe nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Â.

Về con chung: Giữa anh chị có 01 con chung tên Châu Thị Thanh X, sinh ngày 28/3/2020. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Châu Thanh A vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N mặc dù Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh A.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Mỹ N, cho chị N được ly hôn với anh A. Về con chung: Giao 01 con chung tên Châu Thị Thanh X, sinh ngày 28/3/20xx cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng do chị N không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Mỹ N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Châu Thanh A, sinh năm 1994, ngụ tại Khu phố C, thị trấn V, huyện G nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Châu Thanh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của anh A đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Châu Thanh A.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mỹ N và anh Châu Thanh A có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị N, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh A lúc tỉnh thì không sao nhưng khi có rượu vô là anh A đem chuyện cũ ra nói dẫn đến cãi vã, anh A còn nhắn tin với bạn gái bên ngoài quá nhiều, chị N đã nhiều lần khuyên nhủ mà anh A vẫn không thay đổi nên chị N về nhà cha mẹ sinh sống từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh A là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Châu Thị Thanh X, sinh ngày 28/3/20xx. Ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung nên cần giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Mỹ N có yêu cầu ly hôn nên chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mỹ N và anh Châu Thanh A được ly hôn.
2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Châu Thị Thanh X, sinh ngày 28/3/20xx cho chị Lê Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Châu Thanh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Anh Châu Thanh A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028042 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Lê Mỹ N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND TT. V, H.GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh